

Bản tin ATC

Tháng 11 năm 2018

< Cập nhật nhanh những quy định mới nhất liên quan đến doanh nghiệp >



Trong số này:

Văn bản mới

Lập BCTC tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước là đơn vị kế toán cấp trên	1
--	---

Văn bản hướng dẫn

Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu là ngoại tệ tiền mặt	1
Thuế nhập khẩu đối với hàng hóa tạm xuất tái nhập để sửa chữa	2
Thuế TNDN, TNCN đối với tiền ăn trưa, ăn ca	2
Kê khai thuế TNDN đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn	3
Thuế TNCN đối với lương tháng 13 và lợi tức ghi tăng vốn góp	3
Lập hóa đơn cho chi phí kiểm tra lại hàng và sửa lại hàng	3
Xử lý hóa đơn dịch vụ đã lập	4
Thuế TNCN với hoạt động chuyển nhượng vốn góp	4
Chi phí bồi thường vi phạm hợp đồng kinh tế	4
Lập hoá đơn điều chỉnh	5
Chính sách thuế đối với mô hình xe ô tô làm mẫu	5
Thuế GTGT khi nhập khẩu hàng bán tại cảng biển, sân bay	6
Kê khai, nộp thuế GTGT vắng lai	6
Sử dụng hoá đơn	7
Đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc	7
Khoản giảm trừ khi tính thuế TNCN	7
Thuế GTGT đối với hàng hoá dùng để cho, biếu, tặng	7
Thuế GTGT, TNCN đối với quà tặng	8
Sử dụng hóa đơn trong thời gian cưỡng chế	8
Thuế nhà thầu đối với hoạt động bán và cho thuê máy móc	9
Trích khấu hao TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất	9
Kê khai, hạch toán chi phí đối với hóa đơn liên 2 bị mất	9
Xuất hóa đơn và ghi nhận chi phí được trừ đối với hợp đồng xây dựng	10
Lưu ý mức đóng BHXH, BHYT, BH TNLĐ-BNN từ 01/12/2018	11

VĂN BẢN MỚI

Lập BCTC tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước là đơn vị kế toán cấp trên



Ngày 01/11/2018, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2018/TT-BTC hướng dẫn lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước là đơn vị kế toán cấp trên.

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước là đơn vị kế toán cấp trên được hướng dẫn lập như sau:

Báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán cấp trên được lập theo kỳ kế toán năm (cụ thể: được lập sau khi kết thúc kỳ kế toán năm, vào thời điểm 31/12 hàng năm).

Trường hợp pháp luật có quy định theo kỳ hạn lập khác thì ngoài báo cáo theo kỳ hạn năm, đơn vị còn phải lập báo cáo tài chính tổng hợp theo kỳ hạn đó.

Báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán cấp trên phải được tổng hợp đầy đủ, bao gồm thông tin tài chính của tất cả đơn vị kế toán cấp dưới trực thuộc theo quy định. Trong đó: Các chỉ tiêu tài sản, nợ phải trả, doanh thu, chi phí và các luồng tiền của đơn vị kế toán cấp trên được trình bày trên các biểu mẫu báo cáo tương ứng giống như là các báo cáo của một đơn vị kế toán độc lập.

Nội dung hướng dẫn chi tiết xem tại Thông tư.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/01/2019 và áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp từ năm tài chính 2018.

VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu là ngoại tệ tiền mặt

Công ty được ghi hình trong quá trình kiểm tra thực tế hàng hóa là ngoại tệ tiền mặt xuất khẩu, nhập khẩu để phục vụ cho việc cung cấp hình ảnh cho khách hàng. Trước khi thực hiện ghi hình, đại diện Công ty cần trao đổi rõ về việc sẽ thực hiện ghi hình với cán bộ hải quan kiểm tra thực tế ngoại tệ, tiền mặt. Trong quá trình ghi hình, nội dung hình ảnh chỉ ghi các hình ảnh liên quan đến hàng hóa được kiểm tra. Công ty chỉ sử dụng hình ảnh đã ghi để giải thích việc cắt niêm phong cho khách hàng, không được phát tán, sử dụng vào mục đích khác và chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc bảo mật các hình ảnh đã ghi.



Công văn số 6180/TCHQ-GSQL ngày 23/10/2018 của Tổng cục Hải quan

Thuế nhập khẩu đối với hàng hóa tạm xuất tái nhập để sửa chữa



Căn cứ điểm c, khoản 9 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 và khoản 2 Điều 13 Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ, thì hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập để bảo hành, sửa chữa, thay thế theo điều kiện bảo hành của hợp đồng mua bán được miễn thuế.

Hồ sơ, thủ tục miễn thuế khi làm thủ tục hải quan thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ.

Công văn số 6394/TCHQ-TXNK ngày 31/10/2018 của Tổng cục Hải quan

Thuế TNDN, TNCN đối với tiền ăn trưa, ăn ca

Trường hợp công ty có chính sách phụ cấp ăn trưa, ăn giữa ca cho người lao động (được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty) thì:

1. Về Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Trường hợp các khoản chi nêu trên đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính thì được tính vào chi phí được trừ khi tính Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Về Thuế thu nhập cá nhân:

- Trường hợp Công ty lựa chọn 1 trong 2 hình thức: (1) Công ty tự tổ chức nấu ăn, mua suất ăn hoặc cấp phiếu ăn cho người lao động; (2) Công ty không tổ chức bữa ăn giữa ca, ăn trưa mà chi tiền cho người lao động theo mức chi phù hợp với hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thì không tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân ⁽¹⁾.

- Trường hợp công ty không đáp ứng được 1 trong 2 hình thức nêu trên thì phải tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của người lao động.

Công văn số 73511/CT-TTHT ngày 05/11/2018 của Cục thuế TP Hà Nội

⁽¹⁾ **Ghi chú của ATC:** Mức tiền chi cho bữa ăn ca cho người lao động tối đa không vượt quá 730.000 đồng/người/tháng theo hướng dẫn tại điều 22 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016.



Kê khai thuế TNDN đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn

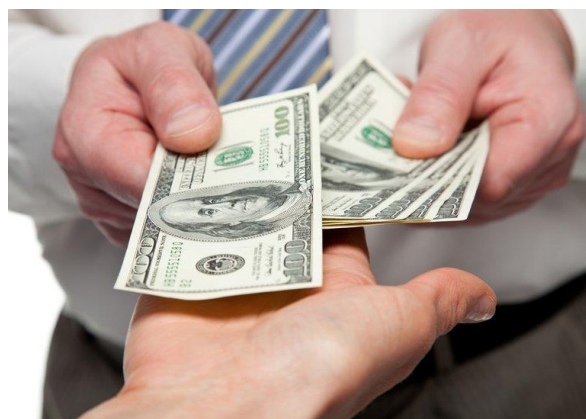


Trường hợp doanh nghiệp là tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp có hoạt động chuyển nhượng vốn góp tại Công ty A ở Việt Nam cho Công ty B ở Việt Nam thì Công ty B (đơn vị nhận chuyển nhượng vốn) có trách nhiệm xác định, kê khai, khấu trừ và nộp thay doanh nghiệp nước ngoài số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quy định tại Điều 16 Thông tư 151/2014/TT-BTC sửa đổi Điều 12 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

Công văn số 73529/CT-TTHT ngày 05/11/2018 của Cục thuế TP Hà Nội

Thuế TNCN đối với lương tháng 13 và lợi tức ghi tăng vốn góp

Trường hợp Công ty chi trả lương tháng thứ 13 cho người lao động, nếu được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty thì được hạch toán vào chi phí hợp lý khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp (không thuộc khoản chi có tính phúc lợi theo hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC nêu trên). Khoản thu nhập lương tháng thứ 13 của người lao động thuộc khoản thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương tiền công của cá nhân.



Trường hợp cá nhân là thành viên góp vốn của Công ty phát sinh thu nhập từ lợi tức ghi tăng vốn thì thuộc đối tượng nộp thuế TNCN đối với hoạt động đầu tư vốn trừ lợi tức của doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ.

Công văn số 73512/CT-TTHT ngày 05/11/2018 của Cục thuế TP Hà Nội

Lập hóa đơn cho chi phí kiểm tra lại hàng và sửa lại hàng

Trường hợp Công ty giao hàng cho khách hàng, nhưng hàng hóa đã giao phải được kiểm tra lại toàn bộ và sửa lại hàng. Công ty đề nghị khách hàng thực hiện công việc trên, toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình kiểm tra lại hàng hóa và sửa lại hàng, Công ty phải thanh toán tiền dịch vụ cho khách hàng, thì khi dịch vụ hoàn thành khách hàng phải lập hóa đơn, tính nộp thuế GTGT theo thuế suất quy định.

Công văn số 73516/CT-TTHT ngày 05/11/2018 của Cục thuế TP Hà Nội



Xử lý hóa đơn dịch vụ đã lập



Trường hợp Công ty đã lập hóa đơn GTGT theo hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo dưỡng định kỳ và bảo dưỡng hàng ngày cho tài sản của khách hàng và hai bên đã kê khai thuế. Sau đó, do nhu cầu thay đổi, bên khách hàng không có nhu cầu sử dụng tiếp dịch vụ bảo dưỡng thì Công ty và khách hàng làm biên bản thanh lý hợp đồng hoặc có thỏa thuận bằng văn bản ghi rõ nội dung, nguyên nhân không tiếp tục thực hiện dịch vụ. Đồng thời Công ty lập hóa đơn điều chỉnh giảm doanh thu, trên hóa đơn ghi rõ điều chỉnh giảm số lượng hàng hóa, dịch vụ, giá bán, thuế suất thuế giá trị gia tăng..., tiền thuế giá trị gia tăng cho hóa đơn số ..., ký hiệu... Hóa đơn điều chỉnh không được ghi số âm (-).

Công văn số 74022/CT-TTHT ngày 06/11/2018 của Cục thuế TP Hà Nội

Thuế TNCN với hoạt động chuyển nhượng vốn góp

Trường hợp cá nhân phát sinh phần vốn tăng thêm tại Công ty từ lợi tức ghi tăng vốn theo hướng dẫn tại Điểm g Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính thì tại thời điểm ghi tăng vốn, cá nhân chưa phải khai thuế TNCN đối với hoạt động đầu tư vốn.

Khi chuyển nhượng vốn cá nhân thực hiện kê khai, nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính và thuế TNCN đối với thu nhập từ đầu tư vốn theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính (*Công ty nhận đầu tư không phải khấu trừ thuế TNCN đối với thu nhập chịu thuế từ lợi tức ghi tăng vốn theo hướng dẫn tại Điểm d Khoản 1 Điều 25 và Khoản 9 Điều 26 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính*).



Công văn số 74216/CT-TTHT ngày 07/11/2018 của Cục thuế TP Hà Nội

Chi phí bồi thường vi phạm hợp đồng kinh tế



Công ty chỉ được thực hiện giảm trừ doanh thu trong các trường hợp: chiết khấu thương mại; giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Trường hợp Công ty (bên nhận gia công) có làm hỏng một phần nguyên vật liệu của bên thuê gia công dẫn đến nghĩa vụ phải bồi thường theo thỏa thuận tại hợp đồng gia công thì khi thực hiện nghĩa vụ bồi thường theo quy định tại hợp đồng Công ty phải lập chứng từ chi tiền cho bên thuê gia công, đồng thời bên thuê gia công lập chứng từ thu theo quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC. Đối với khoản thu tiền bồi thường vi phạm hợp đồng, bên thuê gia công không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT và có trách nhiệm ghi nhận vào thu nhập chịu thuế TNDN theo hướng dẫn quy định tại Khoản 1, Điều 5, Thông tư 219/2013/TT-BTC và Khoản 13, Điều 7, Thông tư số 78/2014/TT-BTC.

Trường hợp Công ty đã lập và giao hóa đơn đã giảm trừ tiền phạt vi phạm hợp đồng vào doanh thu gia công là không đúng quy định và nếu hai bên đã kê khai thuế GTGT thì hai bên phải làm thủ tục điều chỉnh lại các hóa đơn đã giảm trừ doanh thu. Hai bên lập biên bản hoặc có thỏa thuận bằng văn bản ghi rõ sai sót, đồng thời Công ty lập hóa đơn điều chỉnh tăng doanh thu gia công phản ánh đúng doanh thu gia công theo hợp đồng và tăng thuế GTGT tương ứng theo quy định tại Khoản 3, Điều 20, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính.

Công văn số 75439/CT-TTHT ngày 13/11/2018 của Cục thuế TP Hà Nội

Lập hoá đơn điều chỉnh



Trường hợp Công ty đã lập hóa đơn GTGT với thuế suất 0% đối với hàng hóa cung cấp từ kho ngoại quan cho doanh nghiệp chế xuất (đối tượng không chịu thuế GTGT) thì hai bên mua, bán phải lập biên bản điều chỉnh, đồng thời với từng khách hàng Công ty lập một hóa đơn điều chỉnh cho các hóa đơn đã lập sai thuế suất và kê khai điều chỉnh đối với doanh thu, thuế GTGT đầu ra, GTGT đầu vào phát sinh (nếu có).

Công văn số 76024/CT-TTHT ngày 15/11/2018 của Cục thuế TP Hà Nội

Chính sách thuế đối với mô hình xe ô tô làm mẫu

Chính sách thuế đối với mô hình xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi làm mẫu cho sản xuất và trưng bày triển lãm:

a) Về thuế nhập khẩu

Căn cứ khoản 1 Điều 27 Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ thì: "Hàng hóa không nhằm mục đích thương mại được miễn thuế nhập khẩu trong các trường hợp sau: 1. Hàng mẫu, ảnh vẽ hàng mẫu, phim vẽ hàng mẫu, mô hình thay thế cho hàng mẫu có trị giá hải quan không vượt quá 50.000 đồng Việt Nam hoặc đã được xử lý để không thể được mua bán hoặc sử dụng, chỉ để làm mẫu."



Trường hợp mặt hàng ô tô nêu trên của Công ty đã được xử lý để phù hợp cho mục đích trưng bày, làm hàng mẫu thì được miễn thuế nhập khẩu.

b) Về thuế tiêu thụ đặc biệt

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 2 Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12, thì "Xe ô tô dưới 24 chỗ, kể cả xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng loại có từ hai hàng ghế trở lên, có thiết kế vách ngăn cố định giữa khoang chở người và khoang chở hàng;" thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

Trường hợp mặt hàng ô tô nêu trên của Công ty đã được xử lý để phù hợp cho mục đích trưng bày, làm hàng mẫu thì không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.

c) Về thuế giá trị gia tăng

Căn cứ Điều 2 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định: "Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) là hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư này."

Căn cứ quy định nêu trên, hàng hóa nhập khẩu của Công ty phải chịu thuế giá trị gia tăng khi nhập khẩu.

Công văn số 6519/TCHQ-GSQL ngày 07/11/2018 của Tổng cục Hải quan

Thuế GTGT khi nhập khẩu hàng bán tại cảng biển, sân bay

Trường hợp hàng hóa được nhập khẩu từ nước ngoài và được bán cho các doanh nghiệp tại Việt Nam với điều kiện giao tại cảng biển hoặc sân bay Việt Nam thì chưa có đủ cơ sở để xác định việc giao nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam, do đó chưa đủ cơ sở để áp dụng thuế suất GTGT 0%.

Công văn số 76104/CT-TTHT ngày 15/11/2018 của Cục thuế TP Hà Nội

Kê khai, nộp thuế GTGT vắng lai



Công ty tại trụ sở chính.

Trường hợp Công ty có trụ sở chính tại Hà Nội, thực hiện hợp đồng thi công cho nhà thầu chính tại tỉnh A (khác địa phương với trụ sở chính), thì hoạt động nêu trên của Công ty là hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt vắng lai ngoại tỉnh. Công ty thực hiện khai, nộp thuế GTGT tạm tính theo tỷ lệ 2% trên doanh thu chưa tính thuế của hợp đồng thi công lắp đặt vắng lai ngoại tỉnh nêu trên cho Cục thuế tỉnh A. Số thuế GTGT đã nộp (theo chứng từ nộp thuế) của hoạt động thi công lắp đặt vắng lai ngoại tỉnh được trừ (-) vào số thuế phải nộp trên Tờ khai thuế GTGT của

Trường hợp Công ty không thực hiện kê khai và nộp thuế GTGT của hoạt động thi công lắp đặt vắng lai nêu trên tại tỉnh A mà đã khai, nộp thuế toàn bộ số thuế GTGT phát sinh tại trụ sở chính thì việc kê khai, nộp thuế của Công ty chưa đúng quy định.

+ Đối với nghĩa vụ thuế vắng lai thuộc năm ngân sách chưa quyết toán và Công ty có phát sinh số thuế GTGT phải nộp, đã nộp Ngân sách nhà nước tại trụ sở chính bao gồm cả số thuế GTGT phải nộp vắng lai tại tỉnh A:

Công ty làm văn bản đề nghị chuyển số thuế GTGT vắng lai phải nộp tại tỉnh A nhưng đã nộp tại trụ sở chính để hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế GTGT vắng lai tại tỉnh A (*phải đảm bảo nguyên tắc số thuế GTGT đề nghị điều chuyển cho tỉnh A không lớn hơn số thuế GTGT đã nộp tại trụ sở chính*).

+ Đối với số thuế phải nộp vắng lai tại tỉnh A đã được Công ty khai, nộp tại trụ sở chính nhưng thuộc năm ngân sách đã được quyết toán thì không thực hiện điều chỉnh lại.

Công văn số 75594/CT-TTHT ngày 13/11/2018 của Cục thuế TP Hà Nội

Sử dụng hoá đơn

Trường hợp doanh nghiệp đã thông báo phát hành hóa đơn đặt in trước ngày 01/11/2018 thì được tiếp tục sử dụng hóa đơn đặt in đến hết ngày 31/10/2020 và thực hiện các thủ tục về hóa đơn theo quy định tại các Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và số 04/2014/NĐ-CP ngày 14/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.



Từ ngày 01/11/2018 (ngày Nghị định 119/2018/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) doanh nghiệp vẫn có nhu cầu tiếp tục sử dụng hóa đơn đặt in thì doanh nghiệp được thông báo phát hành và sử dụng hóa đơn đặt in chậm nhất đến hết ngày 31/10/2020. Doanh nghiệp thực hiện gửi dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 119/2018/NĐ-CP cùng với việc nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng.

Kể từ ngày 01/11/2018, nếu doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng hóa đơn điện tử thì thực hiện theo quy định tại Nghị định 119/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Công văn số 74023/CT-TTHT ngày 06/11/2018 của Cục thuế TP Hà Nội

Đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc



Trường hợp trong năm, bố và mẹ cùng đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc là con đẻ (*bố đăng ký giảm trừ từ tháng 01/2018 đến tháng 3/2018, mẹ đăng ký giảm trừ từ tháng 4/2018 đến tháng 12/2018*) không phù hợp với quy định mỗi người phụ thuộc chỉ được tính giảm trừ một lần vào một người nộp thuế trong năm tính thuế theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

Công văn số 73909/CT-TTHT ngày 06/11/2018 của Cục thuế TP Hà Nội

Khoản giảm trừ khi tính thuế TNCN

Trường hợp nhân viên Công ty tham gia ủng hộ người nghèo nhân dịp Tết nguyên đán, tặng quà cho các thương bệnh binh, liệt sĩ và tài trợ cho bệnh viện công lập không thông qua quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ thì không được xác định là khoản giảm trừ khi tính thuế TNCN từ tiền lương, tiền công.

Công văn số 74289/CT-TTHT ngày 07/11/2018 của Cục thuế TP Hà Nội

Thuế GTGT đối với hàng hoá dùng để cho, biếu, tặng

1. Trường hợp Công ty có phát sinh hoạt động mua hàng hóa dùng để cho, biếu, tặng khách hàng thì Công ty phải lập hóa đơn, kê khai, tính nộp thuế GTGT như hóa đơn xuất bán hàng hóa cho khách hàng, giá tính thuế GTGT được xác định theo giá bán của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh hoạt động cho, biếu, tặng.

2. Đối với thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ mua vào để cho, biếu, tặng khách hàng:

- Trường hợp phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT và đáp ứng điều kiện theo quy định tại Khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính thì Công ty được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

- Trường hợp phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT thì Công ty không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Công ty chỉ được hạch toán vào chi phí để tính thuế TNDN hoặc tính vào nguyên giá của tài sản cố định đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào để cho, biếu, tặng trên, trừ số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào để cho, biếu, tặng từng lần có giá trị từ hai mươi triệu đồng trở lên không có hóa đơn chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

- Trường hợp phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế thì chỉ được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT. Công ty phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được.

Công ty kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT hàng tháng/quý tạm phân bổ số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định mua vào được khấu trừ trong tháng/quý, cuối năm Công ty thực hiện tính phân bổ số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của năm để kê khai điều chỉnh thuế GTGT đầu vào đã tạm phân bổ khấu trừ theo tháng/quý.

Công văn số 74972/CT-TTHT ngày 12/11/2018 của Cục thuế TP Hà Nội



Thuế GTGT, TNCN đối với quà tặng



Trường hợp đơn vị thực hiện mua hàng hóa để làm quà tặng cho cán bộ công nhân viên thì khi tặng quà đơn vị phải lập hóa đơn GTGT theo quy định.

Trường hợp cá nhân là người lao động trong đơn vị được đơn vị tặng quà bằng hiện vật không thuộc thu nhập chịu thuế từ quà tặng theo quy định tại khoản 10 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC thì không phải kê khai, nộp thuế TNCN đối với quà tặng này.

Công văn số 77326/CT-TTHT ngày 21/11/2018 của Cục thuế TP Hà Nội

Sử dụng hóa đơn trong thời gian cưỡng chế

Trường hợp đang áp dụng biện pháp cưỡng chế thông báo hóa đơn không có giá trị sử dụng, nếu người nộp thuế có văn bản đề nghị sử dụng từng hóa đơn lẻ cho từng lô hàng, hạng mục công trình hoàn thành để có nguồn thanh toán tiền lương công nhân, thanh toán các khoản chi phí đảm bảo sản xuất kinh doanh được liên tục thì Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện tiếp tục cho người nộp thuế sử dụng từng hóa đơn lẻ với điều kiện người nộp thuế có văn bản cam kết thực hiện nộp ngay 18% doanh thu trên hóa đơn lẻ được sử dụng vào ngân sách nhà nước.

Công văn số 77479/CT-TTHT ngày 22/11/2018 của Cục thuế TP Hà Nội

Thuế nhà thầu đối với hoạt động bán và cho thuê máy móc



Trường hợp Doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị, phát sinh thu nhập tại Việt Nam, nếu Doanh nghiệp nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu tại Điều 8 Thông tư số 103/2014/TT-BTC thì Bên Việt Nam nộp thay thuế cho Doanh nghiệp nước ngoài theo hướng dẫn tại Điều 12, Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính.

Trường hợp Doanh nghiệp nước ngoài ký hợp đồng bán máy móc, thiết bị cho Doanh nghiệp Việt Nam không kèm theo các dịch vụ được thực hiện tại Việt Nam dưới các hình thức theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 103/2014/TT-BTC nêu trên thì hoạt động cung cấp hàng hóa của Doanh nghiệp nước ngoài không thuộc đối tượng áp dụng Thông tư 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính.

Công văn số 77482/CT-TTHT ngày 22/11/2018 của Cục thuế TP Hà Nội

Trích khấu hao TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất

1. Xác định thời điểm ghi nhận TSCĐ vô hình đối với phần vốn góp là giá trị quyền sử dụng đất để trích khấu hao:

Công ty chỉ được ghi nhận quyền sử dụng đất nhận vốn góp là TSCĐ vô hình nếu Công ty được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định có quyền sử dụng đất hợp pháp và quyền sử dụng đất này không thuộc các trường hợp không được ghi nhận là TSCĐ vô hình theo quy định tại tiết đ Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 45/2013/TT-BTC .



2. Về việc trích khấu hao TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất nhận góp vốn:

Trường hợp chủ sở hữu tham gia góp vốn vào Công ty bằng quyền sử dụng đất nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho Công ty thì chưa có cơ sở để xác định việc ghi nhận TSCĐ và trích khấu hao TSCĐ đối với quyền sử dụng đất nhận góp vốn của Công ty theo quy định của pháp luật. Công ty không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với các khoản trích khấu hao TSCĐ không có giấy tờ chứng minh thuộc quyền sở hữu của Công ty.

Công văn số 76607/CT-TTHT ngày 19/11/2018 của Cục thuế TP Hà Nội

Kê khai, hạch toán chi phí đối với hóa đơn liên 2 bị mất

Trường hợp Công ty sử dụng dịch vụ của nhà cung cấp, sau đó bên bán gửi hóa đơn cho bên mua bằng hình thức chuyển phát nhanh nhưng hóa đơn bị thất lạc do bên bán chuyển phát nhanh nhầm địa chỉ bên mua thì:

- Khi phát hiện mất hóa đơn, bên bán phải lập báo cáo về việc mất hóa đơn và thông báo với cơ quan Thuế quản lý trực tiếp của mình theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Thông tư 39/2014/TT-BTC.

- Bên bán và bên mua lập biên bản ghi nhận sự việc, trong biên bản ghi rõ liên 1 của hóa đơn người bán hàng khai, nộp thuế trong tháng nào, ký và ghi rõ họ tên của người đại diện theo pháp luật (hoặc người được ủy quyền), đóng dấu (nếu có) trên biên bản và người bán sao chụp liên 1 của hóa đơn, ký xác nhận của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu trên bản sao hóa đơn để giao cho người mua. Người mua được sử dụng hóa đơn bản sao có ký xác nhận, đóng dấu (nếu có) của người bán kèm theo biên bản về việc mất liên 2 hóa đơn để làm chứng từ kế toán và kê khai thuế. Người bán và người mua phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc mất, cháy, hỏng hóa đơn.



Công ty được tính vào chi phí được trừ đối với khoản chi phí phát sinh do sử dụng dịch vụ nêu trên nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính.

- Trường hợp mất hóa đơn đã lập (liên giao cho khách hàng) có liên quan đến bên thứ ba (đơn vị chuyển phát nhanh hóa đơn) thì căn cứ vào việc bên thứ ba do người bán hay người mua thuê để xác định trách nhiệm và xử phạt người bán hoặc người mua theo quy định tại Thông tư 176/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Công văn số 76608/CT-TTHT ngày 19/11/2018 của Cục thuế TP Hà Nội

Xuất hóa đơn và ghi nhận chi phí được trừ đối với hợp đồng xây dựng



1. Về vấn đề xuất hóa đơn theo hợp đồng thi công xây dựng:

Trường hợp Công ty thực hiện hợp đồng thi công xây dựng là đơn giá trọn gói, thanh toán theo giai đoạn thì ngày lập hóa đơn đối với xây dựng, lắp đặt là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Trường hợp Công ty bàn giao từng hạng mục, giai đoạn công trình thì mỗi lần giao hàng hoặc bàn giao đều phải lập hóa đơn cho khối lượng, giá trị hàng hóa, dịch vụ được giao tương ứng.

2. Về vấn đề xác định chi phí được trừ của hợp đồng thi công xây dựng:

Trường hợp Công ty có hoạt động sản xuất kinh doanh đã ghi nhận doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp nhưng chưa phát sinh đầy đủ chi phí thì được trích trước các khoản chi phí theo quy định vào chi phí được trừ tương ứng với doanh thu đã ghi nhận khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Khi kết thúc hợp đồng, Công ty phải tính toán xác định chính xác số chi phí thực tế căn cứ các hóa đơn, chứng từ hợp pháp thực tế đã phát sinh để điều chỉnh tăng chi phí (trường hợp chi phí thực tế phát sinh lớn hơn số đã trích trước) hoặc giảm chi phí (trường hợp chi phí thực tế phát sinh nhỏ hơn số đã trích trước) vào kỳ tính thuế kết thúc hợp đồng.

Công ty được tính vào chi phí được trừ khi xác định thuế TNDN đối với các khoản chi phí phát sinh tương ứng với doanh thu trong kỳ tính thuế và đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC.

Công văn số 76610/CT-TTHT ngày 19/11/2018 của Cục thuế TP Hà Nội

1. Đối với người lao động Việt Nam

- Người sử dụng lao động đóng 14% vào quỹ hưu trí, tử tuất; 3% vào quỹ ốm đau, thai sản; 0,5% vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; 1% vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp; 3% vào quỹ bảo hiểm y tế;

Như vậy, tổng cộng các mức đóng là 21,5%.

- Người lao động đóng 8% vào quỹ hưu trí, tử tuất; 1% vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp; 1,5% vào quỹ bảo hiểm y tế;

Như vậy, tổng cộng các mức đóng là 10,5%.



2. Đối với người lao động nước ngoài

- Người sử dụng lao động đóng 14% vào quỹ hưu trí, tử tuất (từ ngày 01/01/2022); 3% vào quỹ ốm đau, thai sản (từ ngày 01/12/2018); 0,5% vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (từ ngày 01/12/2018); 3% vào quỹ bảo hiểm y tế;

Như vậy, đến ngày 01/01/2022, tổng cộng các mức đóng là 20,5%.

- Người lao động đóng 8% vào quỹ hưu trí, tử tuất (từ ngày 01/01/2022); 1,5% vào quỹ bảo hiểm y tế;

Như vậy, đến ngày 01/01/2022, tổng cộng các mức đóng là 9,5%.

Liên hệ

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin mời liên hệ:

Phụ trách Bản tin:

Ông Lê Thành Công

Tổng Giám đốc
Phụ trách chung

Tel: + 0243 2000 162
Mobile: 0913 535 125
Email: lecong@atcf.vn

Ông Phan Thanh Quân

Phó Tổng Giám đốc
Kiểm duyệt nội dung

Tel: + 0243 2000 162
Mobile: 0983 61 21 81
Email: quanpt@atcf.vn

Ông Tạ Quốc Huy

Trưởng phòng kiểm toán
Phụ trách biên tập

Tel: + 0243 2000 162
Mobile: 0989 204 959
Email: quochuy@atcf.vn

Trụ sở chính:

Tòa nhà ATC, Lô D12, Khu đấu giá Vạn Phúc, Phường Vạn Phúc, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam
Tel: + 0243 2000 162
Fax: + 0243 2000 163
Website: atcf.vn

Chi nhánh tại Thành phố HCM

Văn phòng đại diện tại: Điện Biên, Thái Nguyên, Bắc Giang, Hải Dương, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Vinh, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Bình Dương

(Thông tin liên hệ trực tiếp với các văn phòng tại website: atcf.vn)

Tài liệu này chỉ chứa đựng những thông tin khái quát, đây là một trong những hoạt động hỗ trợ khách hàng thường xuyên của ATC. Tuy nhiên, trước khi đưa ra một quyết định hoặc thực hiện một hành động có thể ảnh hưởng đến vấn đề tài chính và hoạt động kinh doanh, người sử dụng tài liệu cần tham vấn chuyên gia của chúng tôi hoặc các chuyên gia (công ty) tư vấn có chuyên môn. Chúng tôi không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại do kết quả của việc người đọc dựa vào tài liệu này.

© 2018 ATC Auditing and Valuation Firm Company Limited